

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2016

**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA RIÊNG CÔNG TY MẸ
QUÝ IV NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2015-2016 VÀ CẢ NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2015-2016**

**Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong Quý IV NĐTC 2015-2016 và cả NĐTC 2015-2016 như sau:

1. Giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ trong Quý IV NĐTC 2015-2016

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý IV NĐTC 2015-2016 (từ 01/07/2016 đến 30/09/2016)	Quý IV NĐTC 2014-2015 (từ 01/07/2015 đến 30/09/2015)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	9.310.524.681.359	7.573.454.015.243	1.737.070.666.116	22,9%
2	Giá vốn hàng bán	8.341.787.402.861	6.987.542.196.518	1.354.245.206.343	19,4%
3	Lợi nhuận gộp	968.737.278.498	585.911.818.725	382.825.459.773	65,3%
4	Doanh thu tài chính	553.928.020.612	288.147.073.516	265.780.947.096	92,2%
5	Chi phí tài chính	73.809.435.531	163.115.411.865	(89.305.976.334)	-54,8%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>41.227.712.126</i>	<i>47.104.168.532</i>	<i>(5.876.456.406)</i>	<i>-12,5%</i>
6	Chi phí bán hàng	291.728.851.921	193.820.699.817	97.908.152.104	50,5%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	309.345.663.599	122.527.649.951	186.818.013.648	152,5%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	847.781.348.059	394.595.130.608	453.186.217.451	114,8%
9	Thu nhập khác	3.266.728.286	4.935.788.393	(1.669.060.107)	-33,8%
10	Chi phí khác	8.782.400.021	5.320.697.707	3.461.702.314	65,1%
11	Lợi nhuận khác	(5.515.671.735)	(384.909.314)	(5.130.762.421)	-1.333,0%
12	Lợi nhuận trước thuế	842.265.676.324	394.210.221.294	448.055.455.030	113,7%
13	Thuế TNDN hiện hành	89.031.361.618	37.432.661.535	51.598.700.083	137,8%
14	Thuế TNDN hoãn lại	11.169.661.112	-	11.169.661.112	-
15	Lợi nhuận sau thuế	764.403.975.818	356.777.559.759	407.626.416.059	114,3%

Trong Quý IV NĐTC 2015-2016, lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty Mẹ đạt 764,4 tỷ đồng, tăng 407,6 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2014-2015. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần tăng 1.737,0 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng 1.354,2 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 382,8 tỷ đồng (từ 585,9 tỷ đồng lên 968,7 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính giảm 89,3 tỷ đồng (từ 163,1 tỷ đồng xuống 73,8 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay giảm 5,9 tỷ đồng (từ 47,1 tỷ đồng xuống 41,2 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 97,9 tỷ đồng (từ 193,8 tỷ đồng lên 291,7 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 186,8 tỷ đồng (từ 122,5 tỷ đồng lên 309,3 tỷ đồng).

2. Giải trình kết quả kinh doanh của riêng Công ty Mẹ NĐTC 2015-2016

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĐTC 2015-2016 (từ 01/10/2015 đến 30/09/2016)	NĐTC 2014-2015 (từ 01/10/2014 đến 30/09/2015)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	30.162.663.312.799	31.121.095.273.258	(958.431.960.459)	-3,1%
2	Giá vốn hàng bán	26.942.474.493.318	29.074.021.762.754	(2.131.547.269.436)	-7,3%
3	Lợi nhuận gộp	3.220.188.819.481	2.047.073.510.504	1.173.115.308.977	57,3%
4	Doanh thu tài chính	587.542.917.811	304.851.891.320	282.691.026.491	92,7%
5	Chi phí tài chính	227.664.525.040	379.883.551.601	(152.219.026.561)	-40,1%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>163.766.529.605</i>	<i>180.561.247.510</i>	<i>(16.794.717.905)</i>	<i>-9,3%</i>
6	Chi phí bán hàng	936.673.242.521	727.052.217.691	209.621.024.830	28,8%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	740.684.905.219	417.829.755.541	322.855.149.678	77,3%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.902.709.064.512	827.159.876.991	1.075.549.187.521	130,0%
9	Thu nhập khác	11.534.943.821	15.219.811.998	(3.684.868.177)	-24,2%
10	Chi phí khác	23.499.694.362	16.617.762.624	6.881.931.738	41,4%
11	Lợi nhuận khác	(11.964.750.541)	(1.397.950.626)	(10.566.799.915)	-755,9%
12	Lợi nhuận trước thuế	1.890.744.313.971	825.761.926.365	1.064.982.387.606	129,0%
13	Thuế TNDN hiện hành	317.208.214.923	157.276.390.231	159.931.824.692	101,7%
14	Thuế TNDN hoãn lại	12.193.210.074	19.572.256.637	(7.379.046.563)	-37,7%
15	Lợi nhuận sau thuế	1.585.729.309.122	688.057.792.771	897.671.516.351	130,5%

Trong NĐTC 2015-2016, lợi nhuận sau thuế của riêng Công ty Mẹ đạt 1.585,7 tỷ đồng, tăng 897,7 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2014-2015. Các nguyên nhân chủ yếu là:

- Doanh thu thuần giảm 958,4 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán giảm 2.131,5 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 1.173,1 tỷ đồng (từ 2.047,1 tỷ đồng lên 3.220,2 tỷ đồng).
- Chi phí tài chính giảm 152,2 tỷ đồng (từ 379,9 tỷ đồng xuống 227,7 tỷ đồng), trong đó chi phí lãi vay giảm 16,8 tỷ đồng (từ 180,6 tỷ đồng xuống 163,8 tỷ đồng).
- Chi phí bán hàng tăng 209,6 tỷ đồng (từ 727,1 tỷ đồng lên 936,7 tỷ đồng).
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 322,9 tỷ đồng (từ 417,8 tỷ đồng lên 740,7 tỷ đồng).

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch**



TRẦN NGỌC CHU

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu văn thư

Doanh nghiệp: HOA SEN GROUP

Mã chứng khoán: HSG

Địa chỉ: 9 Đại Lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần II - BD

Mã số thuế: 3 7 0 0 3 8 1 3 2 4

Tel: 083.9990111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NIÊN ĐỘ 2016

Từ 01 - 07 - 2016 đến 30 - 09 - 2016

(Báo cáo riêng)

- | | |
|---------------------------------|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DN |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2011/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-09-2016)	Số đầu kỳ (01-10-2015)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.829.550.924.481	5.189.362.855.705
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	447.511.375.436	233.828.787.007
1	Tiền	111		447.367.853.561	233.688.787.007
2	Các khoản tương đương tiền	112		143.521.875	140.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.777.639.431.726	2.188.495.464.154
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.971.546.764.778	1.657.213.337.129
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		77.007.641.671	25.367.450.024
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		400.000.000	100.400.000.000
5	Các khoản phải thu khác	136	V.4a	731.943.627.217	408.561.090.078
6	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(3.258.601.940)	(3.046.413.077)
7	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140	V.5	3.190.984.122.654	2.281.126.058.437
1	Hàng tồn kho	141		3.203.593.359.534	2.293.735.295.317
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(12.609.236.880)	(12.609.236.880)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		413.415.994.665	485.912.546.107
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	62.418.904.299	55.062.184.992
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		350.997.090.366	430.850.361.115
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.11	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.083.291.049.431	3.758.038.912.478
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		27.012.549.901	27.012.549.901
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	214			
4	Phải thu về cho vay dài hạn	215		25.000.000.000	25.000.000.000
5	Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	2.012.549.901	2.012.549.901
6	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	217			
II	Tài sản cố định	220		2.783.643.477.913	2.964.830.715.661
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.430.577.858.029	2.597.141.283.226
	- Nguyên giá	222		4.142.209.444.805	3.959.400.818.348
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.711.631.586.776)	(1.362.259.535.122)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	85.446.238.657	99.643.625.564
	- Nguyên giá	225		135.252.035.604	135.252.035.604
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(49.805.796.947)	(35.608.410.040)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	267.619.381.227	268.045.806.871
	- Nguyên giá	228		288.233.543.976	286.043.112.706
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20.614.162.749)	(17.997.305.835)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

Mẫu số B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-09-2016)	Số đầu kỳ (01-10-2015)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	55.709.997.861	12.346.611.377
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		55.709.997.861	12.346.611.377
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.033.511.833.551	649.628.640.301
1	Đầu tư vào công ty con	251		1.025.576.000.000	611.276.000.000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		52.852.178.134	51.952.178.134
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	4.367.000.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(44.916.344.583)	(17.966.537.833)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI	Tài sản dài hạn khác	260		183.413.190.205	104.220.395.238
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	131.336.663.500	64.337.078.607
2	Tài sản thuộc thu nhập hoãn lại	262	V.17	52.076.526.705	39.883.316.631
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		10.912.841.973.912	8.947.401.768.183

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ (30-09-2016)	Số đầu kỳ (01-10-2015)
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		6.626.059.221.987	5.958.058.900.796
I	Nợ ngắn hạn	310		6.237.867.909.908	5.302.767.036.632
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.547.338.063.625	555.161.842.884
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		108.805.809.609	132.056.212.298
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	164.789.228.568	54.523.520.743
4	Phải trả người lao động	314		62.752.064.223	28.300.012.321
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	186.283.930.732	81.556.360.439
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	34.359.350.788	42.596.139.795
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	4.102.697.779.164	4.400.210.324.546
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.841.683.199	8.362.623.606
II	Nợ dài hạn	330		388.191.312.079	655.291.864.164
1	Phải trả người bán dài hạn	331			
2	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
3	Phải trả dài hạn khác	337			
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	385.490.114.579	651.348.629.164
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
6	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	2.701.197.500	3.943.235.000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.286.782.751.925	2.989.342.867.387
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	4.286.782.751.925	2.989.342.867.387
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	551.571.933.521	487.290.470.363
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.18	-	(52.113.695.510)
5	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	-	8.525.313.060
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	6.884.575.670	6.605.155.369
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	1.762.927.952.734	1.531.127.724.105
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		192.435.877.871	843.069.931.334
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.570.492.074.863	688.057.792.771
8	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (400 = 300+400)		440		10.912.841.973.912	8.947.401.768.183

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan



TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BCTC riêng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này 01/07/2016-30/09/2016	Lũy kế từ 01/10/2015-30/09/2016	Kỳ trước 01/07/2015-30/09/2015	Lũy kế từ 01/10/2014-30/09/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.20	9.352.421.279.653	30.269.970.107.145	7.578.363.046.740	31.157.314.338.362
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.21	41.896.598.294	107.306.794.346	4.909.031.497	36.219.065.104
3.	DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V.22	9.310.524.681.359	30.162.663.312.799	7.573.454.015.243	31.121.095.273.258
4.	Giá vốn hàng bán	11	V.23	8.341.787.402.861	26.942.474.493.318	6.987.542.196.518	29.074.021.762.754
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		968.737.278.498	3.220.188.819.481	585.911.818.725	2.047.073.510.504
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.24	553.928.020.612	587.542.917.811	288.147.073.516	304.851.891.320
7.	Chi phí tài chính	22	V.25	73.809.435.531	227.664.525.040	163.115.411.865	379.883.551.601
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.227.712.126	163.766.529.605	47.104.168.532	180.561.247.510
8.	Chi phí bán hàng	25	V.28	291.728.851.921	936.673.242.521	193.820.699.817	727.052.217.691
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.28	309.345.663.599	740.684.905.219	122.527.649.951	417.829.755.541
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		847.781.348.059	1.902.709.064.512	394.595.130.608	827.159.876.991
11.	Thu nhập khác	31	V.26	3.266.728.286	11.534.943.821	4.935.788.393	15.219.811.998
12.	Chi phí khác	32	V.27	8.782.400.021	23.499.694.362	5.320.697.707	16.617.762.624
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.515.671.735)	(11.964.750.541)	(384.909.314)	(1.397.950.626)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		842.265.676.324	1.890.744.313.971	394.210.221.294	825.761.926.365
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	89.031.361.618	317.208.214.923	37.432.661.535	157.276.390.231
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.30	11.169.661.112	12.193.210.074	-	19.572.256.637
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51+52)	60		764.403.975.818	1.585.729.309.122	356.777.559.759	688.057.792.771
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ghi chú: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại số thứ tự chỉ tiêu và "Mã số".

TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

BCTC riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	MS	TM	Kỳ này 01/10/2015- 30/09/2016	Kỳ trước 01/10/2014- 30/09/2015
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		1.890.744.313.971	825.761.926.365
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		385.350.626.686	373.077.021.625
- Các khoản dự phòng	03		27.161.995.613	24.133.763.632
- Lãi, lỗ CLTCG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4.267.738.813	38.895.143.213
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(556.405.259.140)	(275.290.397.527)
- Chi phí lãi vay	06		163.766.529.605	206.026.054.089
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		1.914.885.945.548	1.192.603.511.397
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.703.570.560	163.799.373.505
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(909.858.064.217)	1.417.961.613.884
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.138.173.647.842	(1.122.480.272.291)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(70.909.835.606)	(2.592.658.493)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(164.756.339.795)	(205.180.180.696)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(271.132.777.209)	(148.083.149.484)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(32.735.856.159)	(42.436.850.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.640.370.290.964	1.253.591.387.094
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(256.669.404.179)	(344.821.955.435)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		7.389.382.741	71.470.321.057
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24			
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(415.200.000.000)	(151.495.846.500)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.367.000.000	4.273.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.512.924.408	3.792.978.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(651.600.097.030)	(416.781.502.482)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		116.395.667.397	64.721.580.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32		(508.729)	(19.247.074)
3 Tiền thu từ đi vay	33		11.548.329.293.474	12.912.074.325.312
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.091.389.075.962)	(13.530.135.977.447)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(21.036.343.932)	(33.306.639.607)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(327.038.699.875)	(144.058.665.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(774.739.667.627)	(730.754.624.191)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		214.030.526.307	106.055.260.421
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		233.828.787.007	138.001.647.603
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(347.937.878)	(10.228.121.017)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		447.511.375.436	233.828.787.007

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Công Tiến

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 30 tháng 10 năm 2016
Tổ Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)
TRẦN NGỌC CHU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 Đăng ký lần đầu ngày 08/08/2001 và điều chỉnh gần đây nhất ngày 10 tháng 06 năm 2016.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ	1.965.398.290.000 VND
Số lượng cổ phiếu	196.539.829 cổ phiếu

2- Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và thương mại

3- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 35 ngày

4- Ngành nghề kinh doanh

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là :

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

5- Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty con: Đến thời điểm hiện tại Công ty có 16 Công ty con

- CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN

Địa chỉ: 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Lô A1.1 và TT6.2 & 7 Khu Công Nghiệp Nhơn Hòa, P. Nhơn Hòa, Tx. An Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NAM CẨM NGHỆ AN

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NGHỆ AN

Địa chỉ: Lô CN 1-8 Khu công nghiệp Đồng Hối, X. Quỳnh Lập, TX. Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

- CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN HÀ NAM

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Kiện Khê 1, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN NHON HỘI - BÌNH ĐỊNH**
Địa chỉ: Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN VÂN HỘI**
Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN YÊN BÁI**
Địa chỉ: Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành Phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV HOA SEN PHÚ MỸ**
Địa chỉ: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ KIỂM LUYỆN CÁN THIẾP HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- **CÔNG TY TNHH MTV CẢNG TỔNG HỢP QUỐC TẾ HOA SEN CÀ NÁ – NINH THUẬN**
Địa chỉ: Thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Công ty có 3 công ty liên kết

- **CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN VÀ CẢNG QUỐC TẾ HOA SEN - GENADEPT**
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN QUY NHƠN**
Địa chỉ: Số 01 Ngô Mỹ, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- **CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN HỘI VÂN**
Địa chỉ: Số 01 Ngô Mỹ, Phường Ngô Mỹ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Danh sách chi nhánh: Hiện tại Công ty có 227 chi nhánh phụ thuộc

1. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Nam
2. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Lắk
3. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kon Tum
4. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Trảng Bàng - Tây Ninh
5. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cam Ranh
6. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Chơn Thành
7. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Diên Khánh
8. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bồng Sơn Bình Định
9. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tân Thành - Long An
10. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đà Nẵng
11. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phan Rang
12. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tuy Phước Bình Định
13. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thành Phố Cần Thơ

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

-
14. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại An Khê Tỉnh Gia Lai
 15. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Nội
 16. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gia Nghĩa - Đắk Nông
 17. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Tân - An Giang
 18. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Pleiku Tỉnh Gia Lai
 19. ~~Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen~~
 20. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Buôn Hồ - Tỉnh Đắk Lắk
 21. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nghệ An
 22. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy An - Tỉnh Phú Yên
 23. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Trà Vinh
 24. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phụng Hiệp
 25. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Long
 26. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tuy Hòa
 27. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phan Rí
 28. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
 29. Chi Nhánh Long Xuyên - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
 30. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cái Bè
 31. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bà Rịa - Vũng Tàu
 32. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cà Mau
 33. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Đồng Tháp
 34. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hồng Ngự
 35. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vũng Liêm
 36. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vị Thanh
 37. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cao Lãnh
 38. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Sóc Trăng
 39. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
 40. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Sơn Tịnh - Tỉnh Quảng Ngãi
 41. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đức Linh - Bình Thuận
 42. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Thủ Thừa - Long An
 43. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Đốc
 44. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Minh
 45. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Bến Tre
 46. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Tân - Bình Thuận
 47. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Năm Căn
 48. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bạc Liêu
 49. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương
 50. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
 51. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
 52. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thống Nhất - Tỉnh Đồng Nai
 53. Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hà Tĩnh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

-
- 54 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phù Cát - Bình Định
 - 55 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phù Mỹ - Bình Định
 - 56 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chợ Mới - An Giang
 - 57 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (tỉnh Bình Dương)
 - 58 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen
 - 59 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen (Bình Dương) - Tại Sơn La
 - 60 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thừa Thiên Huế
 - 61 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bến Cát - Bình Dương
 - 62 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Gò Dầu - Tây Ninh
 - 63 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Định Quán - Đồng Nai
 - 64 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thốt Nốt
 - 65 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tri Tôn - An Giang
 - 66 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tam Nông - Đồng Tháp
 - 67 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Pắc - Đắk Lắk
 - 68 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Bến Tre
 - 69 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phan Thiết - Bình Thuận
 - 70 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea Kar - Đắk Lắk
 - 71 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Mil - Đắk Nông
 - 72 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thanh Hóa
 - 73 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Xuyên Mộc - Bà Rịa - Vũng Tàu
 - 74 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Thạnh - Tp Cần Thơ
 - 75 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Ninh Bình
 - 76 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - Tp Cần Thơ
 - 77 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Châu Thành - Tiền Giang
 - 78 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hòa Bình
 - 79 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước
 - 80 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phú Giáo - Bình Dương
 - 81 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Ninh
 - 82 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Sơn Hòa - Phú Yên
 - 83 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Bái
 - 84 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen - Nhà Máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
 - 85 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hàm Thuận Nam - Bình Thuận
 - 86 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phú Thọ
 - 87 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thái Bình
 - 88 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Nam
 - 89 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Trị
 - 90 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Ngọc Hồi
 - 91 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Trung
 - 92 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hưng Yên
 - 93 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nam Định

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

-
- 94 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quảng Bình
 - 95 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Jút - Đắk Nông
 - 96 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hải Phòng
 - 97 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chư Sê - Gia Lai
 - 98 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Phúc
 - 99 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thái Nguyên
 - 100 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bắc Kạn
 - 101 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Diên Châu-Nghệ An
 - 102 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hà Giang
 - 103 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mỹ Hòa - An Giang
 - 104 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Đức Hòa - Long An
 - 105 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Trảng Bom - Đồng Nai
 - 106 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tây Ninh
 - 107 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bắc Giang
 - 108 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Đại - Bến Tre
 - 109 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thuận An - Bình Dương
 - 110 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dĩ An - Bình Dương
 - 111 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tân Châu - Tây Ninh
 - 112 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Biên - Hà Nội
 - 113 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Chương Mỹ - Hà Nội
 - 114 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bà Rịa
 - 115 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Bình Long - Bình Phước
 - 116 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Phúc Thọ - Hà Nội
 - 117 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thường Tín - Hà Nội
 - 118 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Vĩnh Châu - Sóc Trăng
 - 119 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Mộc Châu - Sơn La
 - 120 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ea H'Leo - Đắk Lắk
 - 121 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Hòn Đất - Kiên Giang
 - 122 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đắk Đoa - Gia Lai
 - 123 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Ô Môn - Cần Thơ
 - 124 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Tây Sơn - Bình Định
 - 125 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bắc Ninh
 - 126 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kiến An - Hải Phòng
 - 127 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Lai Châu
 - 128 . Chi nhánh số 02 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cái Răng - TP Cần Thơ
 - 129 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Lộc Ninh - Bình Phước
 - 130 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Đoàn Hùng - Phú Thọ
 - 131 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Dầu Tiếng - Bình Dương
 - 132 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hải Dương
 - 133 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Móng Cái - Quảng Ninh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-HTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- 134 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Kỳ Anh - Hà Tĩnh
- 135 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Long - Hậu Giang
- 136 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cư M'Gar - Đắk Lắk
- 137 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tiểu Cần - Trà Vinh
- 138 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Mai Sơn - Sơn La
- 139 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phú Quốc - Kiên Giang
- 140 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cái Nước - Cà Mau
- 141 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Biên - Tây Ninh
- 142 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Mộ Đức - Quảng Ngãi
- 143 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Ninh Hòa - Khánh Hòa
- 144 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cư Kuin - Đắk Lắk
- 145 . Chi Nhánh Số 3 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thốt Nốt - TP. Cần Thơ
- 146 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Khánh - Ninh Bình
- 147 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hải Hậu - Nam Định
- 148 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Dương Kinh - Hải Phòng
- 149 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Chí Linh - Hải Dương
- 150 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Hồ - Vĩnh Long
- 151 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Kim Động - Hưng Yên
- 152 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hồng Dân - Bạc Liêu
- 153 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Lợi - Bạc Liêu
- 154 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thanh Miện - Hải Dương
- 155 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Lục Ngạn - Bắc Giang
- 156 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Định - Thanh Hóa
- 157 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thái Hòa - Nghệ An
- 158 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại An Nhơn - Bình Định
- 159 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hòn Đất - Kiên Giang
- 160 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hưng Nguyên - Nghệ An
- 161 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thọ Xuân - Thanh Hóa
- 162 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hoàng Mai - Nghệ An
- 163 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bát Xát - Lào Cai
- 164 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nông Cống - Thanh Hóa
- 165 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Triệu Sơn Thanh Hóa
- 166 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bù Dốp - Bình Phước
- 167 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cẩm Thủy - Thanh Hóa
- 168 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Mỹ - Hậu Giang
- 169 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Điện Biên
- 170 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Krông Ana - Đắk Lắk
- 171 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tịnh Biên - An Giang
- 172 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Đô Lương - Nghệ An
- 173 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Đông Triều - Quảng Ninh

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

-
- 174 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Khánh - Ninh Bình
 - 175 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Triệu Phong - Quảng Trị
 - 176 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hương Khê - Hà Tĩnh
 - 177 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Gò Dầu - Tây Ninh
 - 178 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tĩnh Gia - Thanh Hóa
 - 179 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Yên Thành - Nghệ An
 - 180 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Dương Minh Châu - Tây Ninh
 - 181 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Kỳ - Nghệ An
 - 182 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thới Bình - Cà Mau
 - 183 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Lục - Hà Nam
 - 184 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Ba Đồn - Quảng Bình
 - 185 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bồ Trách - Quảng Bình
 - 186 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại ChuPrông - Gia Lai
 - 187 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tứ Kỳ - Hải Dương
 - 188 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Đức Thọ - Hà Tĩnh
 - 189 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nam Trực - Nam Định
 - 190 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hưng Hà - Thái Bình
 - 191 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Phổ Yên - Thái Nguyên
 - 192 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Việt Yên Bắc Giang
 - 193 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tiên Lãng - Hải Phòng
 - 194 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Bảo - Hải Phòng
 - 195 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Từ Sơn - Bắc Ninh
 - 196 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại M'Đrăk - Đắk Lắk
 - 197 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Lạc Sơn - Hòa Bình
 - 198 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
 - 199 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Cầu Ngang - Trà Vinh
 - 200 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Dĩ An - Bình Dương
 - 201 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Ngã Năm - Sóc Trăng
 - 202 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Lạc - Hòa Bình
 - 203 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Giao Thủy - Nam Định
 - 204 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tân Linh - Bình Thuận
 - 205 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hiệp Hòa - Bắc Giang
 - 206 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quỳnh Phụ - Thái Bình
 - 207 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Đầm Dơi - Cà Mau
 - 208 . Chi Nhánh Số 2 Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thị Xã Phú Thọ
 - 209 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Cẩm Phả - Quảng Ninh
 - 210 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Kinh Môn - Hải Dương
 - 211 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Yên Dũng - Bắc Giang
 - 212 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen Tại Thoại Sơn - An Giang
 - 213 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tam Điệp - Ninh Bình

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 214 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Quế Võ - Bắc Ninh
- 215 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Kim Bôi - Hòa Bình
- 216 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nam Cẩm - Nghệ An
- 217 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Thanh Chương - Nghệ An
- 218 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Sông Mã - Sơn La
- 219 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Tuần Giáo - Điện Biên
- 220 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Vĩnh Linh - Quảng Trị
- 221 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Hoài Nhơn - Bình Định
- 222 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Bình Sơn - Quảng Ngãi
- 223 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Đức Nhuận - Quảng Ngãi
- 224 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Kim Sơn - Ninh Bình
- 225 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Nho Quan - Ninh Bình
- 226 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Sông Cầu - Phú Yên
- 227 . Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoa Sen tại Long Phú - Sóc Trăng

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống kế toán Việt Nam

2- Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau :

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp
- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)***3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức sổ sách kế toán; chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình
Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:
(a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
(b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
(c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
(d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành
Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời
 - Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
 - Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)
Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau:

• Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40 năm
• Máy móc thiết bị	06 - 12 năm
• Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
• Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016**Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)*

- TSCĐ hữu hình khác 03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất 07 - 48 năm
- Phần mềm kế toán, quản lý 3 năm

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe....) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công thời cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước theo phương pháp đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh

6- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá qui định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

7- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau :

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Các khoản thu khác

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay"

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

9- Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

10- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 18% và 8% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 3% và 1,5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành và chi phí là 1% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1- Tiền	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Tiền mặt	11.578.193.615	12.462.200.677
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	385.789.659.946	221.226.586.330
- Tiền đang chuyển	50.000.000.000	-
- Các khoản tương đương tiền	143.521.875	140.000.000
Cộng	447.511.375.436	233.828.787.007

2- Các khoản đầu tư tài chính:

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào công ty con

+ Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	280.000.000.000	280.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	16.276.000.000	16.276.000.000
+ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	55.000.000.000	55.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	300.000.000.000	80.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	136.000.000.000	
+ Công ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	50.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	2.800.000.000	
+ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	5.500.000.000	

Cộng

1.025.576.000.000 611.276.000.000

	Cuối kỳ 30/09/2016			Đầu kỳ 01/10/2015		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ CTy CP tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadcpt	51.952.178.134	(44.916.344.583)	7.035.833.551	51.952.178.134	(17.966.537.833)	33.985.640.301
+ Cty CP Hoa Sen Hội Vân	450.000.000		450.000.000			
+ Cty CP Hoa Sen Qui Nhơn	450.000.000		450.000.000			
Cộng	52.852.178.134	(44.916.344.583)	7.935.833.551	51.952.178.134	(17.966.537.833)	33.985.640.301
- Đầu tư vào đơn vị khác						
+ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bán Việt	-		-	4.367.000.000	-	4.367.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

3- Phải thu khách hàng	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
a) Ngắn hạn	444.505.459.012	442.780.857.243
- Khách hàng chiếm 10% trở lên trên tổng phải thu KH:	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	444.505.459.012	442.780.857.243
b) Phải thu các bên liên quan	1.527.041.305.766	1.214.432.479.886
Cộng	1.971.546.764.778	1.657.213.337.129
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
a) Ngắn hạn	546.199.112.154	273.424.302.385
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Tạm ứng	19.864.318.157	6.177.558.073
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	4.153.250.000
- Cho mượn	-	-
- Các khoản phải thu khác:	165.880.196.906	124.805.979.620
Cộng	731.943.627.217	408.561.090.078
b) Dài hạn	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Cho mượn	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.012.549.901	2.012.549.901
Cộng	2.012.549.901	2.012.549.901
5- Hàng tồn kho	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Hàng mua đang đi trên đường	1.422.096.013.986	334.139.481.536
- Nguyên liệu, vật liệu	309.254.136.161	346.651.367.414
- Công cụ, dụng cụ	183.874.476.117	192.223.974.481
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	1.012.632.313.886	1.209.216.110.982
- Hàng hóa	275.736.419.384	211.504.360.904
Cộng giá gốc	3.203.593.359.534	2.293.735.295.317
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.609.236.880)	(12.609.236.880)
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:		
* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản nợ:		
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

6- Tài sản dở dang dài hạn

Cuối kỳ
30/09/2016

Đầu kỳ
01/10/2015

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Mua sắm	42.800.944.925	7.573.356.834
- Tại công ty	14.130.419.984	2.929.010.883
- Tại chi nhánh	28.670.524.941	4.644.345.951
- Xây dựng cơ bản	9.867.732.411	736.451.270
- Tại công ty	-	736.451.270
- Tại chi nhánh	9.867.732.411	-
- Sửa chữa	3.041.320.525	4.036.803.273
- Tại chi nhánh	1.661.635.876	3.836.813.799
- Tại công ty	1.379.684.649	199.989.474
Cộng	55.709.997.861	12.346.611.377

7 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	621.660.819.138	3.064.331.212.467	242.213.491.285	12.374.597.617	18.820.697.841	3.959.400.818.348
* Mua trong kỳ	-	76.684.180.412	35.559.210.759	9.508.695.000	-	121.752.086.171
* Đầu tư XDCB hoàn thành	-	52.412.258.630	33.504.773.030	-	-	85.917.031.660
* Tăng khác	-	-	-	-	-	-
* Thanh lý, nhượng bán	1.445.715.000	22.284.700.831	1.007.223.391	-	-	24.737.639.222
* Giảm khác	122.852.152	-	-	-	-	122.852.152
Số dư cuối kỳ	620.092.251.986	3.171.142.950.678	310.270.251.683	21.883.292.617	18.820.697.841	4.142.209.444.805
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	180.824.570.224	1.114.545.060.787	52.389.277.920	3.729.674.354	10.770.951.837	1.362.259.535.122
* Khấu hao trong kỳ	38.385.886.558	294.969.430.110	29.710.062.247	2.686.664.614	2.784.339.336	368.536.382.865
* Tăng khác	-	-	-	-	-	-
* Thanh lý, nhượng bán	913.215.000	17.867.724.920	383.391.291	-	-	19.164.331.211
* Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	218.297.241.782	1.391.646.765.977	81.715.948.876	6.416.338.968	13.555.291.173	1.711.631.586.776
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
* Tại ngày đầu kỳ	440.836.248.914	1.949.786.151.680	189.824.213.365	8.644.923.263	8.049.746.004	2.597.141.283.226
* Tại ngày cuối kỳ	401.795.010.204	1.779.496.184.701	228.554.302.807	15.466.953.649	5.265.406.668	2.430.577.858.029

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

8- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ thuê tài chính khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC		-			-
Số dư đầu kỳ	114.919.308.334	20.332.727.270			135.252.035.604
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-			-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
Số dư cuối kỳ	114.919.308.334	20.332.727.270			135.252.035.604
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	33.539.542.139	2.068.867.901			35.608.410.040
- Khấu hao trong kỳ	12.160.271.547	2.037.115.360			14.197.386.907
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-
Số dư cuối kỳ	45.699.813.686	4.105.983.261			49.805.796.947
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC					-
- Tại ngày đầu kỳ	81.379.766.195	18.263.859.369			99.643.625.564
- Tại ngày cuối kỳ	69.219.494.648	16.226.744.009			85.446.238.657

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm ;

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	284.698.354.995			1.344.757.711		286.043.112.706
* Mua trong kỳ	2.190.431.270			-		2.190.431.270
* Thanh lý, nhượng bán						-
* Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	286.888.786.265			1.344.757.711		288.233.543.976
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	16.652.548.124			1.344.757.711		17.997.305.835
* Khấu hao trong kỳ	2.616.856.914			-		2.616.856.914
- Thanh lý, nhượng bán	-			-		-
- Giảm khác	-			-		-
Số dư cuối kỳ	19.269.405.038			1.344.757.711		20.614.162.749
Giá trị còn lại của TSCĐVH						
* Tại ngày đầu kỳ	268.045.806.871			-		268.045.806.871
* Tại ngày cuối kỳ	267.619.381.227			-		267.619.381.227

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay;

* Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
10- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	23.305.854.943	24.210.259.090
Chi phí thuê nhà xưởng	11.856.103.957	8.372.683.765
Chi phí công cụ, dụng cụ	11.816.978.433	10.307.348.223
Chi phí tư vấn	1.514.629.219	1.408.729.769
Chi phí bảo hiểm	1.344.194.649	1.310.876.033
Chi phí sửa chữa	2.138.034.399	1.665.640.996
Khác	10.443.108.699	7.786.647.116
Cộng	62.418.904.299	55.062.184.992
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	32.124.554.645	45.000.996.782
Chi phí sửa chữa	27.577.811.616	12.505.051.016
Chi phí thuê nhà xưởng	65.147.659.827	5.895.995.809
Khác	6.486.637.412	935.035.000
Cộng	131.336.663.500	64.337.078.607
11- Vay và nợ thuê tài chính		
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Vay từ ngân hàng	4.102.697.779.164	4.400.210.324.546
NH TMCP Công Thương VN - CN KCN Bình Dương	3.829.686.778.983	4.056.943.675.919
NH TM CP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	1.432.613.735.346	1.260.278.389.622
NH TNHH MTV HSBC	686.126.972.889	1.132.137.405.969
NH TNHH Một Thành Viên ANZ	-	76.782.963.438
NH TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN.TPHCM	432.838.005.434	172.752.994.571
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	56.565.757.987	158.713.780.464
NH TMCP Ngoại Thương VN - CN TP HCM	310.635.603.614	82.424.354.365
NH No & PTNT Việt Nam - CN Sài Gòn	556.762.565.014	823.599.626.592
NH TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN - Sở Giao Dịch 2	99.800.000.000	108.864.000.000
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	241.390.160.898
NH UOB - CN TP.HCM	67.886.940.450	-
NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam	69.453.200.475	-
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả	117.003.997.774	255.864.471.340
NH No & PTNT VN - CN Tỉnh Bình Dương	255.864.471.340	302.800.960.695
NH TMCP Công Thương VN - CN KCN Bình Dương	30.560.000.000	43.930.000.000
NH TM CP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	142.000.000.000	142.000.000.000
NH Phát Triển VN - CN Bình Dương	12.800.000.000	35.329.976.420
NH TM CP Ngoại Thương VN - CN Vũng Tàu	17.822.588.000	17.774.680.000
Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương	-	11.264.988.211
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Tân Thuận	-	16.902.552.064
Ngân Hàng TMCP Bản Việt	15.922.003.320	15.922.004.000
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	23.880.000.000	19.676.760.000
	12.879.880.020	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả	17.146.528.841	21.036.343.932
Công ty CTTC NH Ngoại Thương - CN TP. HCM	9.576.037.408	11.004.212.868
Công ty CTTC NH Công Thương	4.923.280.369	7.384.920.000
Công ty CTTC NH Á Châu	2.647.211.064	2.647.211.064
Nợ dài hạn khác đến hạn trả	-	9.969.344.000
CINCINNATI EXTRUSION GMBH	-	9.969.344.000
Vay từ bên liên quan	-	9.460.000.000
Công Ty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	-	9.460.000.000

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay từ ngân hàng	374.051.561.272	622.763.547.016
NH No & PTNT VN - CN Tỉnh Bình Dương	-	61.120.000.000
NH TMCP Công Thương VN - CN KCN Bình Dương	277.924.771.861	419.924.771.861
NH TM CP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	13.304.120.000	26.104.120.000
NH Phát Triển VN - CN Bình Dương	12.666.537.436	30.407.169.155
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Tân Thuận	23.067.582.000	38.989.586.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	30.744.410.000	46.217.900.000
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	16.344.139.975	-
Nợ dài hạn thuê tài chính	11.438.553.307	28.585.082.148
Công ty CTTC NH Ngoại Thương - CN TP. HCM	11.217.952.383	20.793.989.791
Công ty CTTC NH Công Thương	-	4.923.280.369
Công ty CTTC NH Á Châu	220.600.924	2.867.811.988
Cộng	4.488.187.893.743	5.051.558.953.710

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau

	Giá trị
Vào ngày 01 tháng 10 năm 2015	5.051.558.953.710
Tiền thu từ đi vay	11.548.329.293.474
Tiền chi trả nợ gốc vay	12.112.425.419.894
Chênh lệch tỷ giá	725.066.453
Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016	4.488.187.893.743

Lịch thanh toán thuê tài chính

	Kỳ này			Kỳ trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	18.718.404.629	1.571.875.788	17.146.528.841	24.477.641.416	3.441.297.484	21.036.343.932
Từ 1-5 năm	12.229.792.718	791.239.411	11.438.553.307	31.093.925.619	2.508.843.471	28.585.082.148
Trên 5 năm						

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

12- Phải trả người bán	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
a) Ngắn hạn	1.283.791.782.174	482.031.569.234
- Đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng phải trả:	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác:	1.283.791.782.174	482.031.569.234
b) Phải trả các bên liên quan	263.546.281.451	73.130.273.650
Cộng	1.547.338.063.625	555.161.842.884

13- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu kỳ 01/10/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ 30/09/2016
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	870.357.198.175	805.493.111.739	64.864.086.436,00
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	13.754.684.828,00	228.030.736.810	232.203.528.021	9.581.893.617,00
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.854.776.667	2.943.112.173	1.911.664.494,00
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.779.435.531,00	317.208.214.923	271.132.777.209	85.854.873.245,00
- Thuế thu nhập cá nhân	987.443.384,00	25.691.230.682	24.104.287.130	2.574.386.936,00
- Các loại thuế khác	1.957.000,00	1.192.163.995	1.191.797.155	2.323.840,00
Cộng	54.523.520.743	1.447.334.321.252	1.337.068.613.427	164.789.228.568

14- Chi phí phải trả	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Chi phí điện	9.619.132.214	11.090.213.768
- Chi phí lương tháng 13	133.076.148.580	48.819.296.000
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.125.696.789	7.597.518.971
- Chi phí lãi vay	2.710.941.965	3.700.752.155
- Chi phí kiểm toán	381.818.181	245.454.545
- Chi phí khác	33.370.193.003	10.103.125.000
Cộng	186.283.930.732	81.556.360.439

15- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	1.943.459.728
- Bảo hiểm y tế	-	154.974.400
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	182.880.800
- Kinh phí công đoàn	297.013.000	572.579.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.062.337.788	39.742.245.867
Cộng	34.359.350.788	42.596.139.795

16- Dự phòng phải trả	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Dự phòng tái cấu trúc	2.701.197.500	3.943.235.000
- Dự phòng phải trả khác	-	-
Cộng	2.701.197.500	3.943.235.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

17- Tài sản thuế TNDN hoãn lại	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
- Lợi nhuận chưa thực hiện	8.171.375.971	14.232.615.587
- Chi phí trích trước	31.839.207.789	14.379.368.294
- Các khoản dự phòng	1.191.959.888	6.724.437.558
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	68.118.757	1.910.474.749
- Khác	10.805.864.300	2.636.420.443
	52.076.526.705	39.883.316.631

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(*Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác*)

18- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	8	9	10
Số dư đầu năm trước (01/10/2014)	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)			8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566
- Lợi nhuận tăng trong năm trước								688.057.792.771	688.057.792.771
- Chi trả cổ tức								144.469.647.000	144.469.647.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi								16.413.694.648	16.413.694.648
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn CSH								18.465.406.480	-
- Phí lưu ký chứng khoán			(49.247.074)						(49.247.074)
- Bán cổ phiếu quỹ		35.747.180.000	28.974.400.000						64.721.580.000
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn CSH							25.138.263.228		25.138.263.228
Số dư cuối năm trước (30/09/2015)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387
Số dư đầu kỳ này (01/10/2015)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này								1.585.729.309.122	1.585.729.309.122
- Hoàn nhập quỹ						8.525.313.060		8.525.313.060	-
- Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							29.379.354.381	29.379.354.381	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi								26.114.981.672	26.114.981.672
- Mua cổ phiếu ngân quỹ								957.490.390.000	-
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	957.490.390.000							327.567.667.500	327.567.667.500
- Chi trả cổ tức			(508.729)						(508.729)
- Phí lưu ký chứng khoán			52.114.204.239						116.395.667.397
- Bán cổ phiếu quỹ		64.281.463.158							29.099.934.080
- Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							29.099.934.080		29.099.934.080
- Thường vượt kế hoạch								21.902.000.000	21.902.000.000
Số dư cuối kỳ này (30/09/2016)	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	-	-	-	6.884.575.670	1.762.927.952.734	4.286.782.751.925

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng	Vốn cổ phần ưu đãi
- Vốn đầu tư của Nhà nước						
- Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	1.965.398.290.000			1.007.907.900.000		
- Thặng dư vốn cổ phần						
Cộng						

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

19- Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

- Đồng đô la Mỹ

- Đồng Euro

- Đồng đô la Úc

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
20- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.352.421.279.653	7.578.363.046.740
- Doanh thu bán thành phẩm	3.816.014.113.507	3.634.641.176.472
- Doanh thu bán hàng hóa	5.474.543.370.880	3.892.290.954.420
- Doanh thu khác	61.863.795.266	51.430.915.848
21- Các khoản giảm trừ doanh thu	41.896.598.294	4.909.031.497
- Chiết khấu thương mại	39.204.660.913	2.877.504.863
- Giảm giá hàng bán	1.524.170.516	2.031.526.634
- Hàng bán bị trả lại	1.167.766.865	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
22 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.310.524.681.359	7.573.454.015.243

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
23- Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn thành phẩm đã bán	3.017.749.339.446	3.633.227.869.723
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	5.324.038.063.415	3.346.424.924.290
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	7.889.402.505
Cộng	8.341.787.402.861	6.987.542.196.518
24- Doanh thu tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	146.675.255	1.027.215.968
- Lãi từ hoạt động đầu tư	306.444.444	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	546.199.112.154	276.142.835.597
- Lãi chênh lệch tỷ giá	7.275.788.759	10.977.021.951
Cộng	553.928.020.612	288.147.073.516
25- Chi phí tài chính		
- Lãi vay	41.227.712.126	47.104.168.532
- Chênh lệch tỷ giá	12.369.368.342	111.519.608.875
- DP giảm giá CK kinh doanh và tổn thất đầu tư	20.212.355.063	4.491.634.458
Cộng	73.809.435.531	163.115.411.865
26- Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.187.346.580	-
- Các khoản khác	1.079.381.706	4.935.788.393
Cộng	3.266.728.286	4.935.788.393
27- Chi phí khác		
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	1.922.577.359
- Các khoản khác	8.782.400.021	3.398.120.348
Cộng	8.782.400.021	5.320.697.707
28- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý		
<i>a) Chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên	49.965.326.234	40.073.251.558
Chi phí vật liệu bao bì	590.825.023	815.614.982
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.102.044.572	7.486.591.810
Chi phí vận chuyển	112.988.525.580	72.795.919.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.814.792.537	22.506.385.280
Chi phí bằng tiền khác	91.267.337.975	50.142.936.649
Cộng	291.728.851.921	193.820.699.817

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

28- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý (tiếp theo)	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
<i>b) Chi phí quản lý</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	187.241.734.490	64.086.806.654
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.101.774.200	2.206.153.334
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.145.898.200	6.869.054.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.616.154.693	7.678.186.479
Chi phí bằng tiền khác	103.240.102.016	41.687.448.808
Cộng	309.345.663.599	122.527.649.951
29- Chi phí thuế TNDN	89.031.361.618	37.432.661.535
30- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	11.169.661.112	-

VI - Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong quý IV niên độ 2015 - 2016, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	3.335.697.403.658	2.794.588.033.316
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	895.326.064.884	773.105.619.340
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.792.698.168	3.752.600.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	22.761.931.314	77.646.478.017
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	204.600.000	21.508.954.076
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	579.581.619.425	506.173.405
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	2.212.334.024	
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	451.412.734	
Công Ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	24.981.817	
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	329.006.250.246	259.414.886.243
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	3.268.331.503.497	2.441.305.340.971
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	765.579.484.443	784.084.689.917
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	12.725.611.400	25.965.385.940
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	191.952.268.762	124.660.838.801
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	153.806.657.625	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	383.536.049.083	89.343.035.223
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	473.845.503.687	182.204.943.564
iii) Bán tài sản cố định	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	2.015.000.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	2.287.000.000	263.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

iv) Mua tài sản cố định	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Công ty TNHH Dầu Từ và Du Lịch Hoa Sen	656.000.000	-
v) Các giao dịch khác	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen		
Mua khác	20.908.288	489.163.606
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Bán khác		2.032.918.275
Trả lại hàng mua	32.110.807	29.916.600
Hàng mua được giảm giá	360.282.825	
Hàng bán bị trả lại	-	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Thu lãi cho vay	1.265.111.110	
Hàng mua được giảm giá	160.198.156	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Du Lịch Hoa Sen	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Bán khác	51.797.479	-
Chiết khấu thương mại	6.522.940.128	
Hàng bán bị trả lại	113.373.720	50.715.340
vi) Các khoản chi các nhân sự quản lý chủ chốt	Kỳ này (từ 01-07-2016 đến 30-09-2016)	Kỳ trước (từ 01-07-2015 đến 30-09-2015)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	495.000.000	253.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	3.344.826.650	2.012.183.000
b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
i) Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	800.534.662.997	741.762.003.581
Công Ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	232.002.562.858	390.228.663.563
Công Ty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	8.407.187.983	10.917.500.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	60.250.074.913	7.523.066.192
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	-	63.828.794.580
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	420.889.853.059	172.451.970
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	2.433.567.426	-
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	496.554.009	
Công Ty TNHH Đầu tư Và Du Lịch Hoa Sen	2.026.842.521	-
Cộng	1.527.041.305.766	1.214.432.479.886

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
ii) Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	5.492.058.000	-
Công Ty TNHH Đầu tư Và Du Lịch Hoa Sen	3.649.366.266	6.458.860.936
Cộng	9.141.424.266	6.458.860.936

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
iii) Các khoản phải thu khác		
Hoàng Đức Huy (P.Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	80.133.266.842	87.551.090.792
Công Ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	355.215.239.608	166.481.143.413
Công Ty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	3.002.211.248	11.487.859.426
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	69.529.873.827	8.769.230.314
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	38.355.308.129	-
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	-	408.316.578
Công Ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	5.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Xi Măng HS Cà Ná – Ninh Thuận	5.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Khu Liên Hợp Luyện Cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	923.312.250	-
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Tái Tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	5.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng Khu Công Nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	5.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Cảng Tổng Hợp Quốc Tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	5.000.000	-
Cộng	637.367.438.904	364.880.867.523

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
iv) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	-	100.000.000.000

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
v) Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	14.500.000.000	11.100.000.000
Công Ty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	17.153.356.717	34.196.348.287
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	56.093.633.619	27.695.981.378
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	167.337.168.310	-
Công ty TNHH Đầu Tư và Du lịch Hoa Sen	8.462.122.805	137.943.985
Cộng	263.546.281.451	73.130.273.650

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
vi) Người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Đầu Tư và Du lịch Hoa Sen	10.393.631.170	1.500.312.265

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý IV niên độ 2015 - 2016

Từ ngày 01-07-2016 đến 30-09-2016

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC
 Ngày 22/12/2015 của Bộ Tài Chính)

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
vii) Phải trả khác		
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	-	31.799.200
Công Ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	-	1.194.618.735
Công Ty TNHH MTV Vận Tải Và Cơ Khí Hoa Sen	784.000	-
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	-	-
Công Ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	-	6.850.000
DNTN kinh doanh BĐS Hương Sen	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.784.000	2.233.267.935

	Cuối kỳ 30/09/2016	Đầu kỳ 01/10/2015
viii) Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	9.460.000.000

VII- Những thông tin khác

- 1- Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- 2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin năm trước): Một số dữ liệu tương ứng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC riêng cho kỳ quý 4 niên độ 2014-2015 và cho kỳ lũy kế niên độ 2014-2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC của BCTC riêng kỳ này. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Quý 4 (01/07/15 - 30/09/15) (đã được trình bày trước đây)	Quý 4 (01/07/15 - 30/09/15) (được trình bày lại)	Ảnh hưởng của trình bày lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.573.709.536.657	7.578.363.046.740	4.653.510.083
Thu nhập khác	9.852.298.476	4.935.788.393	(4.916.510.083)
Chi phí khác	5.583.697.707	5.320.697.707	(263.000.000)
Chỉ tiêu	Lũy kế (01/10/14 - 30/09/15) (đã được trình bày trước đây)	Lũy kế (01/10/14 - 30/09/15) (được trình bày lại)	Ảnh hưởng của trình bày lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.133.878.040.825	31.157.314.338.362	23.436.297.537
Thu nhập khác	109.991.563.846	15.219.811.998	(94.771.751.848)
Chi phí khác	87.953.216.935	16.617.762.624	(71.335.454.311)

3- Những thông tin khác:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Công Tiến

Nguyễn Thị Ngọc Lan



TRẦN NGỌC CHU

